

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀNG HÓA  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Lê Xuân Thu
  2. Ông Đào Duy Chuyên
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Tòa án ND huyện Hoàng Hóa
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:*  
Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh, Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1995. Có đơn xin xét xử vắng mặt  
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Hoàng Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.
- Bị đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1996. Vắng mặt  
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Hoàng Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/08/2024, bản tự khai ngày 11/10/2024 nguyên đơn anh Lê Văn D trình bày:*

Anh Lê Văn D và chị Vũ Thị Q tự nguyện kết hôn năm 2016 tại UBND xã Hà V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm nên chị Q bỏ nhà đi từ tháng 1 năm 2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Dâu đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Vũ Thị Q.

Về con: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Châm, sinh ngày 11/01/2017; cháu Lê Chí Thức, sinh ngày 16/10/2019. Ly hôn, anh D có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Chí Thức và đồng ý giao cháu Lê Ngọc Châm cho chị Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Văn Dầu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh Lê Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Vũ Thị Q:* Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng chị Q vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Vũ Văn S (anh Trai chị Q) và anh S cam đoan có trách nhiệm giao thông báo lại cho chị Q.

*Tại biên bản ghi lời khai của anh Vũ Văn S ngày 11/11/2024 thể hiện:*

Em tôi là chị Vũ Thị Q và anh Lê Văn D tự nguyện kết hôn được UBND xã Hà V, huyện H, tỉnh Thanh Hoá cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2016. Sau khi cưới được một thời gian thì vợ chồng anh D, chị Q sống với nhau đến cuối năm 2022 thì chị Q đi làm ăn, vợ chồng sống ly thân, chị Q về nhà ngoại ở cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh D làm đơn xin ly hôn, tôi sẽ có trách nhiệm thông báo cho chị Q (hiện nay chị Q đi làm) nên chưa về tới mới về, chị Q cũng đã biết anh D làm đơn xin ly hôn. Chị Q có trao đổi với tôi quan điểm của chị Q mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nay tôi sẽ nhận thay các văn bản tố tụng cho em gái tôi và cam đoan giao tận tay cho chị Q.

Về con chung: Anh Lê Văn D và chị Vũ Thị Q có 02 con chung cháu tên là Lê Ngọc Châm, sinh ngày 11/01/2017; Lê Chí Thức, sinh ngày 16/10/2019. Hiện nay cháu Lê Ngọc Châm đang ở với chị Q; cháu Lê Chí Thức đang ở với anh D từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nếu phải ly hôn chị Q có nguyện vọng nuôi cháu Châm và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai của cháu Lê Ngọc Châm:* Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

*Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn anh Lê Văn D đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn chị Vũ Thị Q chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn D được ly hôn chị Vũ Thị Q.

Về con chung: Công nhận anh Lê Văn D và chị Vũ Thị Q có 02 con chung cháu tên là Lê Ngọc Châm, sinh ngày 11/01/2017; Lê Chí Thức, sinh ngày 16/10/2019. Giao cháu Lê Chí Thức cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Ngọc Châm cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; Điều 24, Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 anh Lê Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

*[1.1] Về thủ tục tố tụng:* Anh Lê Văn D khởi kiện xin ly hôn chị Vũ Thị Q và xin được nuôi con chung. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định anh Lê Văn D là nguyên đơn, chị Vũ Thị Q là bị đơn.

*1.2] Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Vũ Thị Q có địa chỉ tại xã Hoàng Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*[1.3] Về quan hệ pháp luật:* Anh Lê Văn D khởi kiện xin ly hôn chị Vũ Thị Q và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, chính quyền địa phương xã Hoàng Phong xác nhận: Anh Lê Văn D và chị Vũ Thị Q tự nguyện kết hôn được UBND xã Hà V, huyện H, tỉnh Thanh Hoá cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2016, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm bắt được. Vợ chồng anh chị có 02 con chung cháu tên là Lê Ngọc Châm, sinh ngày 11/01/2017; Lê Chí Thức, sinh ngày 16/10/2019.

Ngày 11/11/2024 bị đơn chị Vũ Thị Q đã được thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa ngày 24/12/2024, bị đơn chị Vũ Thị Q vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập họp lệ nên HĐXX hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị Q vắng mặt không có lý do, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn D và chị Vũ Thị Q kết hôn với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hà V, huyện Hà Tr, tỉnh Thanh Hoá cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Anh D có nguyện vọng xin được ly hôn chị Q. Chị Q, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không đến làm việc theo giấy triệu tập thể hiện chị bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình và anh D không có mong muốn đoàn tụ. Do đó, HĐXX xét thấy tình cảm của anh, chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51,56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn D là cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị Q là phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh chị.

[2.2] Về con chung: Anh Lê Văn D và chị Vũ Thị Q có 02 con chung cháu tên là Lê Ngọc Châm, sinh ngày 11/01/2017; Lê Chí Thức, sinh ngày 16/10/2019.

Xét yêu cầu nuôi con của anh Lê Văn D: Xét thấy, yêu cầu nuôi con của anh D là phù hợp vì từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Thức ở cùng với anh, anh đảm bảo cho cháu ăn học và phát triển. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh D giao cháu Lê Chí Thức cho anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Vũ Thị Q: Chị có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Châm. Từ khi vợ chồng ly thân cháu ở với chị Q, chị chăm sóc cháu đảm bảo. Cháu Châm có nguyện vọng được ở với mẹ, anh D đồng ý giao cháu Châm cho chị Q nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu Lê Ngọc Châm cho chị Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Văn D và chị Vũ Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản: Anh Lê Văn D và chị Vũ Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là anh Lê Văn D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51,56,57,58, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

*Về hôn nhân:* Anh Lê Văn D được ly hôn chị Vũ Thị Q.

*Về con chung:* Công nhận cháu Lê Ngọc Châm, sinh ngày 11/01/2017; Lê Chí Thức, sinh ngày 16/10/2019 là con chung của anh Lê Văn D và chị Vũ Thị Q.

Giao cháu Lê Ngọc Châm cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Chí Thức cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật.

Anh D, chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Anh D, chị Q và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Nếu anh D, chị Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh D, chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh chị.

*Về án phí:* Anh Lê Văn D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng anh được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004001 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa. Anh D đã nộp đủ số tiền án phí.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền*

*thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn anh Lê Văn D, bị đơn chị Vũ Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã Hoằng Ph;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Phương**

